

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẨM PHẢ
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 26-4-2024

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ - TỈNH QUẢNG NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trần Thu Đông

Các Hội thẩm nhân dân: ông Trần Ngọc Chiến và bà Lê Thị Thanh Thủy

- **Thư ký phiên tòa:** bà Lê Thị Kim Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cẩm P, tỉnh Quảng Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C tham gia phiên tòa:** bà Phạm Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Cẩm P xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 01/2024/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2024 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2024/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** anh Trần Anh T, sinh năm xxxx; nơi cư trú: tổ S, khu D, phường C, thành phố Cẩm P, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. **Bị đơn:** Chị Lê Thị Thanh T, sinh năm xxxx; nơi cư trú cuối cùng: tổ S, khu D, phường C, thành phố Cẩm P, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Trần Anh T trình bày: anh và chị Lê Thị Thanh T1 kết hôn với nhau vào năm 2010 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố Cẩm P, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng với gia đình nhà chồng tại địa chỉ tổ S, khu D, phường C, thành phố Cẩm P, tỉnh Quảng Ninh. Cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, không có sự quan tâm, chăm sóc nhau. Đến năm 2018, chị Thủy bỏ nhà đi, không liên hệ với gia đình, không lần nào trở về nhà. Anh cùng gia đình nhiều lần tìm kiếm thông tin nhưng vẫn không có tin tức gì của chị T1. Anh cũng đã đăng tin tìm kiếm chị Thủy trên Đài phát thanh truyền hình tỉnh Quảng Ninh nhưng không có kết quả. Vì vậy, tháng 12/2022 anh đã làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố chị Lê Thị Thanh T1 mất tích và đã được Toà án nhân dân thành phố Cẩm P, tỉnh Quảng Ninh giải quyết tại

Quyết định số 04/2023/QĐST-DS ngày 21/6/2023 về việc “Yêu cầu tuyên bố một người mất tích”, chấp nhận đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự của anh T, tuyên bố: chị Lê Thị Thanh T1 (sinh năm xxxx; nơi thường trú và cư trú cuối cùng: tổ S, khu D, phường C, thành phố Cẩm P, tỉnh Quảng Ninh) mất tích. Quyết định này đã có hiệu lực pháp luật.

Đền nay, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lê Thị Thanh T1 là người đã bị Tòa án tuyên bố mất tích, để anh tạo lập cuộc sống mới.

Về con chung: anh và chị T1 có một con chung là Trần Duy A, sinh ngày xx tháng x năm xxxx. Khi ly hôn, anh xin được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Trần Duy A; không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng.

Về tài sản và vay nợ chung: không có.

Đối với bị đơn chị Lê Thị Thanh T1 đã có Quyết định số 04/2023/QĐST-DS ngày 21/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cẩm P tuyên bố mất tích nên quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng đối với chị T1 theo đúng quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm P, tỉnh Quảng Ninh tham gia tố tụng tại phiên tòa nêu quan điểm về việc tiến hành tố tụng và nội dung giải quyết vụ án dân sự, khẳng định: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định; bị đơn đã bị Tòa án tuyên bố mất tích. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 56; các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn khởi kiện của anh Trần Anh T; về quan hệ hôn nhân: anh T được ly hôn với chị T1; về con chung: anh T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Trần Duy A, chị T1 không phải cấp dưỡng cho con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: anh Trần Anh T yêu cầu xin ly hôn với chị Lê Thị Thanh T1, nơi cư trú cuối cùng tại tổ S, khu D, phường C, thành phố Cẩm P, tỉnh Quảng Ninh, nên Tòa án nhân dân thành phố Cẩm P thụ lý giải quyết với quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn anh Trần Anh T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn chị Lê Thị Thanh T1 đã có Quyết định số 04/2023/QĐST-DS ngày 21/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cẩm P tuyên bố mất tích, Tòa án đã tiến hành niêm yết các thủ tục tố tụng đối với chị T1 theo đúng quy định pháp luật, nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: căn cứ vào trích lục kết hôn số 187/TLKH-BS ngày 26 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban nhân dân phường Cẩm Đ, thị xã (nay là thành phố) Cẩm P, tỉnh Quảng Ninh thể hiện hôn nhân giữa anh Trần Anh T và chị Lê Thị

Thanh T1 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống cùng với gia đình nhà chồng tại địa chỉ tổ S, khu D, phường C, thành phố Cẩm P, tỉnh Quảng Ninh. Trong quá trình chung sống tình cảm vợ chồng đã không còn, anh chị không quan tâm lẫn nhau. Đến năm 2018, chị T1 bỏ nhà đi không thông báo cho gia đình biết đi đâu và làm gì. Anh T đã nhiều lần liên lạc, tìm kiếm nhưng vẫn không có kết quả nên anh T có đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố chị T1 mất tích. Tại Quyết định số 04/2023/QĐST-DS ngày 21/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cẩm P đã quyết định chấp nhận đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự của anh T, tuyên bố: chị Lê Thị Thanh T (sinh năm xxxx; nơi thường trú và cư trú cuối cùng: tổ S, khu D, phường C, thành phố Cẩm P, tỉnh Quảng Ninh) mất tích. Quyết định này đã có hiệu lực pháp luật.

Theo xác minh tại địa phương thể hiện: chị T1 và anh T là vợ chồng hợp pháp. Cuộc sống hôn nhân của anh chị đến năm 2015 có mâu thuẫn, nguyên nhân là do kết hôn khi tuổi đời còn trẻ, kinh tế phụ thuộc gia đình, nên không tránh khỏi cãi vã, xô xát. Từ năm 2018, chị T1 bỏ nhà đi khỏi địa phương, không thấy quay về chung sống cùng anh T nữa, đến nay không có tin tức gì. Anh T xin ly hôn với chị T1 đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Xét thấy, chị T1 là người bị Tòa án tuyên bố mất tích nên yêu cầu ly hôn của anh T thuộc trường hợp xin ly hôn với người mất tích do vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 68 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T.

Về con chung: anh Trần Anh T và chị Lê Thị Thanh T1 có một con chung là Trần Duy A, sinh ngày xx tháng x năm xxxx. Nhận thấy từ ngày chị T1 bỏ đi anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung trưởng thành tốt; con chung cũng có nguyện vọng ở cùng anh T; phù hợp với kết quả xác minh tại địa phương nơi cư trú. Nay anh T có yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung và không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng là hoàn tự nguyện và có căn cứ, nên chấp nhận.

Về tài sản chung và vay nợ chung: anh Trần Anh T và chị Lê Thị Thanh T1 không có tài sản chung và vay nợ chung, không yêu cầu giải quyết. Do đó, Tòa án không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí: anh Trần Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 238; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 68 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 56; các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa anh Trần Anh T và chị Lê Thị Thanh T1
 2. Về con chung: giao con chung Trần Duy A, sinh ngày xx tháng x năm xxxx cho anh Trần Anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Lê Thị Thanh T1 không được cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.
 3. Về tài sản chung và vay nợ chung: anh Trần Anh T và chị Lê Thị Thanh T1 không có tài sản chung; không vay nợ chung, nên không đề cập giải quyết.
 4. Về án phí: anh Trần Anh T phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp theo biên lai số: 0002148 ngày 03/01/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cẩm P.
- Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Báo cho nguyên đơn và bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thành phố Cẩm P;
- Chi cục THADS thành phố Cẩm P;
- UBND phường C, Tp. Cẩm P;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA - VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thu Đông